



CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

TS Nguyễn Xuân Dũng*

Trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đất nước, Việt Nam đặt ra mục tiêu về cơ bản trở thành nước công nghiệp phát triển vào năm 2020. Đây là giai đoạn có ý nghĩa hết sức quan trọng, giai đoạn tăng tốc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trong đó khu vực công nghiệp giữ một vai trò quan trọng. Bài viết đề cập đến một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao sức cạnh tranh của khu vực công nghiệp trong bối cảnh nước ta đã trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), trên cơ sở đánh giá thực trạng về khu vực công nghiệp thời gian qua.

1. Thực trạng kinh tế công nghiệp nước ta thời gian qua

Nhìn một cách tổng quát, trong những năm Đổi mới vừa qua, đi đôi với tăng trưởng và ổn định, nền kinh tế Việt Nam đã có sự chuyển dịch cơ cấu mạnh mẽ. Xu hướng của quá trình này là công nghiệp tăng nhanh và nền kinh tế được hiện đại hoá. Nếu năm 1997, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) cả nước là 8,15% thì năm 2007 ước đạt 8,44%, trong đó, ứng với thời gian trên, khu vực nông - lâm - thủy sản là 4,3% và 3,0%, khu vực công nghiệp - xây dựng là 12,6% và 10,4%; khu vực dịch vụ là 7,14% và 8,5%.

Chuyển dịch cơ cấu của khu vực công nghiệp được thực hiện gắn liền với sự phát triển các ngành theo hướng đa dạng hoá, từng bước hình thành một số ngành trọng điểm và mũi nhọn, có tốc độ phát triển cao, thuận lợi về thị trường, có khả năng xuất khẩu. Từng bước phát triển các ngành khai thác các nguồn lực của nền kinh tế và thu hút vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu và một số hàng công nghiệp nặng cần thiết. Các sản phẩm công nghiệp quan trọng đều tăng khá như điện, thép, phân bón, dầu thô, xi măng, than... Sự phát triển này đã góp phần đáng kể vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế: tỷ trọng GDP tính

* Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

theo giá thực tế trong khu vực công nghiệp - xây dựng tăng từ 23,2% năm 1996 lên 41,0% năm 2005, 41,6% năm 2006 và năm 2007 ước đạt 41,7% (năm 2007 khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm xuống mức khoảng 20,9% và khu vực dịch vụ tăng lên khoảng 37,6%). Tỷ trọng của khu vực công nghiệp trong GDP tăng dần thực sự trở thành động lực cho phát triển kinh tế quốc dân (năm 2007, chỉ tính riêng khu vực công nghiệp chiếm khoảng 34,6%). Đây là năm thứ ba liên tiếp ngành công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao.

Giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp bình quân khoảng 10%/năm trong giai đoạn 1997 - 2007. Về giá trị sản xuất công nghiệp (tính theo giá so sánh năm 1994) năm 2007 ước tăng 17,1% so với năm 2006, trong đó khu vực kinh tế nhà nước tăng 10,3%; khu vực ngoài nhà nước tăng 20,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 18,2%. Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp cũng chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến từ 83,9% năm 2006 lên khoảng 84,4% năm 2007. Đối với nhóm ngành chế biến nông, lâm, thủy, hải sản, nhất là chế biến thực phẩm và đồ uống đóng góp quan trọng vào cơ cấu chế biến với tỷ trọng là 21,0% năm 2006 và khoảng 21,3% năm 2007.

Lợi thế so sánh trong các ngành chế biến, chế tạo sử dụng nhiều lao động đã được khai thác với ưu thế của ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu so với các sản phẩm xuất khẩu thô. Cơ cấu sản phẩm xuất khẩu đã có những thay đổi cơ bản, theo hướng vừa không ngừng nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm, tạo ra sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Nhiều sản phẩm công nghiệp không chỉ đáp ứng cơ bản nhu cầu thiết yếu của nền kinh tế như điện, than, phân bón, sắt thép... mà còn tham gia vào xuất khẩu và chiếm tỷ trọng cao (76,3%) như: mặt hàng nhựa, dệt may, điện tử và linh kiện máy tính, thủ công mỹ nghệ... Tăng trưởng xuất khẩu của khu vực này chủ yếu do một số ngành công nghiệp nhẹ; chẳng hạn, năm 2007, ngành dệt may đã chuyển từ sản xuất theo kiểu gia công xuất khẩu (có tỷ lệ lãi khoảng từ 3 - 6%) sang sản xuất theo phương thức mua đứt, bán đoạn (có tỷ lệ lãi khoảng từ 5 - 8%); kim ngạch xuất khẩu đạt 7,8 tỷ USD tăng khoảng 30% so với năm 2006. Các sản phẩm xuất khẩu của ngành dệt may và giày dép lần đầu tiên đạt trên 10 tỷ USD, dẫn đầu trong các ngành hàng tham gia xuất khẩu. Đặc biệt, các sản phẩm cơ khí xuất khẩu cũng là lần đầu tiên được bổ sung vào danh sách 10 nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu đạt trên một tỷ USD (năm 2007 sản phẩm cơ khí tăng trưởng trên 120% so với năm 2006, đem lại kim ngạch xuất khẩu trên 2,2 tỷ USD). Đứng đầu danh sách nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD phải kể đến là dầu thô (trên 8,4 tỷ USD); tiếp theo là dệt may (7,7 tỷ USD); giày dép (3,9 tỷ USD)...

Chuyển dịch của khu vực công nghiệp theo hướng hình thành, phát triển một số ngành và sản phẩm mới thay thế nhập khẩu, ở khía cạnh hiệu quả kinh tế, một số loại sản phẩm được sản xuất ra với khối lượng ngày càng lớn như: lắp ráp

ô tô, xe máy, đồ điện tử, đường, xi măng... đã cung cấp cho thị trường nội địa, vốn cần thiết cho đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, nhiều mặt hàng có chất lượng cao đã chiếm lĩnh thị trường trong nước. Mặt khác, khu vực đầu tư nước ngoài (FDI) trong nền kinh tế nước ta phát triển với tốc độ cao. Tỷ trọng xuất khẩu của khu vực FDI tăng nhanh, tập trung vào nhóm ngành chế biến thực phẩm và dầu khí, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng xuất khẩu của nước ta và có vị trí chủ yếu trong một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực. Khu vực này đã góp phần nâng cao trình độ công nghệ, xây dựng mô hình tiên tiến, phương thức kinh doanh hiện đại, khai thác tiềm năng và huy động các nguồn lực tốt hơn vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đây được coi là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá...

Nguyên nhân chủ yếu của những thành tựu trong khu vực công nghiệp trong thời gian qua là do: *Một là*, Nhà nước đã có nhiều nỗ lực trong việc hoàn thiện hệ thống luật pháp và chính sách thương mại, thông qua mối quan hệ giữa các chính sách thuế và các chính sách khác như trợ cấp, đầu tư... và trên thực tế đã cải thiện rõ môi trường kinh doanh, tạo điều kiện cho các ngành công nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh; *Hai là*, nhiều doanh nghiệp đã và đang tận dụng mọi cơ hội để vươn lên trong môi trường cạnh tranh, giành lấy và mở rộng thị phần trên thị trường; *Ba là*, ở giai đoạn trước mắt đã định hướng đúng việc tập trung vào nhóm các sản phẩm có lợi thế so sánh trong xuất khẩu và khả năng cạnh tranh cao, có nguồn gốc từ nông nghiệp và công nghiệp tiêu dùng, thực phẩm như hàng may mặc, giày dép, hàng thủ công mỹ nghệ, dầu thô, than đá...

Tuy nhiên, khả năng cạnh tranh của khu vực công nghiệp còn yếu, ngay cả với các nước trong khu vực. Trong khi tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp khá cao thì tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm còn thấp (năm 2007 con số này là khoảng 17,1% so với khoảng 10,2%). Tỷ lệ nội địa hoá của sản phẩm chưa cao. Hầu hết các mặt hàng công nghiệp xuất khẩu ở nước ta dưới dạng nguyên liệu hoặc dưới dạng gia công (giày dép, dệt may), lắp ráp (điện tử, máy vi tính), tỷ lệ sản phẩm chế tạo rất thấp, giá trị mới tạo ra trong sản phẩm chiếm tỷ trọng nhỏ. Công nghiệp chế biến phụ thuộc vào nguyên, vật liệu phụ nhập khẩu với chi phí cao dẫn đến giá bán cao (năm 2007 các doanh nghiệp trong ngành dệt may phải nhập khẩu khoảng trên 70% nguyên phụ liệu từ nước ngoài; các ngành hàng khác như giày, dép, sản phẩm nhựa... cũng ở tình trạng tương tự). Điều này cho thấy nước ta đang thiếu trầm trọng ngành công nghiệp chế biến mà đây là một trong những nội dung quan trọng của tiến trình công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu. Nhiều doanh nghiệp công nghiệp có quy mô nhỏ, chưa chủ động xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn, chủng loại sản phẩm chưa phong phú, hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng lực quản lý, trình độ khoa học công nghệ... yếu kém.

Những tồn tại trên đây do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng có thể nhấn mạnh đến một số nguyên nhân chủ yếu sau: *Một là*, cho đến nay quá trình cải cách thể chế còn chậm, nhất là chính sách thuế còn một số bất cập, không ổn định và thiếu tính hệ thống. Bên cạnh những ngành được hưởng lợi, với tư cách là thành viên của WTO, thì những ngành bị ảnh hưởng tiêu cực là những ngành bị cắt giảm thuế quan nhiều nhất, như mía đường, ô tô, giấy...; hoặc một số ngành phải chịu sự cạnh tranh gay gắt nhất từ phía hàng nhập khẩu, như thép, giấy, hoá chất, phân bón..., nhất là mặt hàng dệt may; *Hai là*, cơ cấu sản xuất công nghiệp dịch chuyển chậm, công nghiệp phụ trợ kém phát triển dẫn đến tình trạng các ngành sản xuất phụ thuộc quá nhiều vào thị trường thế giới; *Ba là*, nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta còn thiếu; trình độ kỹ thuật công nghệ lạc hậu đã trở thành rào cản lớn nhất đối với khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, nhất là trong khu vực công nghiệp.

2. Một số giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển khu vực công nghiệp ở nước ta

Nước ta đang từng bước hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế khu vực và thế giới, cơ hội và thách thức đan xen lẫn nhau, ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Sau một năm Việt Nam gia nhập WTO, có thể nhận thấy những tác động mạnh mẽ tới nền kinh tế, nhất là trong một số lĩnh vực như sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, tài chính, ngân hàng... mặc dù sự tác động đến các ngành là không như nhau. Nghĩa là có ngành hưởng lợi và có ngành chịu tác động tiêu cực. Mặt khác, thực hiện các cam kết khi gia nhập WTO, ngoài việc phải giảm đáng kể mức thuế áp dụng, còn phải dỡ bỏ các hàng rào phi thuế như: hạn ngạch, giấy phép, thủ tục hải quan... Điều này sẽ làm giảm đáng kể mức độ bảo hộ và tăng áp lực cạnh tranh đối với ngành công nghiệp trong nước.

Từ những phân tích, đánh giá trên đây, cũng như xuất phát từ đòi hỏi thực tiễn của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong giai đoạn tới, đặc biệt trên cơ sở “Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam theo các vùng lãnh thổ đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 73/2006/QĐ-TTg, cần tiến hành triển khai một hệ thống giải pháp đồng bộ, trước hết là các giải pháp về cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực chất lượng cao. Ở đây chỉ xin đề cập đến một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tập trung xây dựng chiến lược quy hoạch, hoàn chỉnh và ban hành đồng bộ hệ thống luật pháp, chính sách thương mại. Cần nhấn mạnh rằng vấn đề mấu chốt trong thương mại quốc tế của mỗi quốc gia trong khuôn khổ của WTO chính là năng lực cạnh tranh của hệ thống chính sách thương mại, của doanh nghiệp và của hàng hoá. Do vậy, cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các văn bản pháp luật,

các chính sách liên quan đến thương mại, tài chính, khoa học công nghệ và chính sách đào tạo nguồn nhân lực... một cách đồng bộ và phù hợp với thông lệ quốc tế để các thành phần kinh tế có thể tham gia vào phát triển khu vực công nghiệp. Kiện toàn và tăng cường công tác quản lý nhà nước, tạo điều kiện cho phát triển công nghiệp theo hướng vừa hoàn thiện và tăng cường chính sách quản lý nhằm tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển, vừa tăng cường biện pháp kiểm tra, kiểm soát để đảm bảo phát triển đúng hướng. Sớm hình thành một mạng lưới công nghiệp trong cả nước trên cơ sở đa dạng hoá về quy mô và chế độ sở hữu. Hoàn chỉnh quy hoạch phát triển các khu, cụm điểm công nghiệp trên phạm vi cả nước, hình thành các vùng công nghiệp trọng điểm. Ưu tiên ngân sách và huy động các nguồn lực khác, theo kinh nghiệm của các quốc gia phát triển, để đẩy nhanh việc xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng trong từng vùng và trên phạm vi cả nước - đây được coi là một trong những khâu đột phá trong phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta.

Thứ hai, đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu sản phẩm công nghiệp một cách hợp lý trên cơ sở huy động tối đa sức mạnh của các thành phần kinh tế. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay, việc phát huy lợi thế của các ngành sử dụng nhiều lao động ở nước ta là hết sức cần thiết, với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đặc thù, các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động luôn duy trì được chỉ số ICOR tương đối lâu dài. Mặt khác, công nghệ vận hành không quá phức tạp, sử dụng được lao động không đòi hỏi trình độ lành nghề cao và có thể đi ngay vào sản xuất trong thời gian ngắn dưới hình thức chuyển giao công nghệ, gia công xuất khẩu. Theo đó, cần thay đổi định hướng cơ cấu đầu tư công nghiệp, đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước đầu tư để phát triển các ngành xuất khẩu thay vì đầu tư cho thay thế nhập khẩu. Đối với khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài cần ưu tiên lựa chọn các dự án có triển vọng công nghệ và thị trường quốc tế. Chuyển hướng đầu tư tập trung cho các ngành sử dụng nhiều lao động và những ngành có hàm lượng công nghệ - kỹ thuật cao.

Xác định có trọng tâm và đầu tư đúng mức vào những ngành kinh tế mũi nhọn, tiếp tục đẩy mạnh sản xuất theo các nhóm ngành: nhóm ngành có lợi thế cạnh tranh, nhóm ngành nền tảng và nhóm ngành tiềm năng. Trước mắt, dựa trên cơ sở lợi thế so sánh động, cần xác định ưu tiên và xây dựng kế hoạch ngắn, trung và dài hạn đối với các ngành công nghiệp trọng điểm. Chẳng hạn, các ngành công nghiệp khai thác và chế biến tài nguyên thiên nhiên có chọn lọc phù hợp với điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường giúp cho quá trình tích lũy vốn nhanh hơn, tạo ra cơ sở ổn định lâu dài cho việc cung cấp những nguyên liệu cơ bản của toàn bộ sự phát triển công nghiệp, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, bao gồm các ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất, dầu khô, khí đốt, than, luyện thép, vật liệu xây dựng... Các ngành công nghiệp sử dụng nhiều

vốn, kỹ thuật, công nghệ như các ngành cơ khí chế tạo, đóng tàu, sản xuất hàng tiêu dùng cao cấp... có ý nghĩa chiến lược xét về trung và dài hạn. Hiện đại hoá một số ngành cơ khí có đủ khả năng cung cấp công cụ và thiết bị cho một số ngành nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến.

Chú trọng đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật cần thiết cho một số ngành dựa vào công nghệ - kỹ thuật cao của nền kinh tế công nghiệp hiện đại như: công nghệ thông tin, viễn thông, điện tử, tự động hoá và xây dựng cơ sở tiền đề cho việc chuyển một bước sang nền kinh tế dựa trên tri thức. Tập trung phát triển công nghiệp sản xuất phần mềm tin học thành một ngành kinh tế mũi nhọn.

Thứ ba, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, hàm lượng khoa học công nghệ và tỷ trọng giá trị tăng thêm trong sản phẩm công nghiệp xuất khẩu. Cần nhận thức rằng mục tiêu đặt ra cho công nghiệp nước ta là phải thay đổi căn bản tỷ lệ của 3 nhóm sản phẩm công nghiệp phục vụ xuất khẩu, gồm: *một*, chế tạo, *hai*, gia công - chế biến và *ba*, nguyên liệu... Thay đổi tỷ lệ này là thay đổi đáng kể đến cơ cấu kim ngạch hàng hoá xuất khẩu và có tác động rất lớn đến cơ cấu các ngành sản xuất công nghiệp trong nước, cũng như cơ cấu nội bộ mỗi phân ngành công nghiệp. Theo đó, trước mắt tập trung nguồn lực vào phát triển nhóm ngành đang có lợi thế cạnh tranh và có thị trường, gồm các ngành điện, than, dầu khí, hàng may mặc, giày dép, chế biến khoáng sản... và các ngành có thể nâng cao nhanh chóng kim ngạch xuất khẩu trong thời gian ngắn, có khả năng chiếm lĩnh được thị trường về hàng tiêu dùng thiết yếu. Đây là những ngành chủ yếu dựa trên nguồn lao động rẻ và tài nguyên thiên nhiên sẵn có, nhưng cũng cần lưu ý là những lợi thế này cũng đang có xu hướng giảm nhanh.

Đa dạng hoá mặt hàng xuất khẩu và tạo ra những đột phá mới trong xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến, chế tạo hàng có hàm lượng khoa học công nghệ, tạo thêm các sản phẩm xuất khẩu chủ lực, giá trị gia tăng xuất khẩu cao. Chuyển xu hướng gia tăng mạnh xuất khẩu sản phẩm “thô” trong thời gian qua sang xu hướng tăng tỷ trọng các sản phẩm công nghiệp chế biến trong kim ngạch xuất khẩu, phục vụ xuất khẩu trên cơ sở định hướng công nghiệp kỹ thuật cao. Hạn chế và tiến tới chấm dứt xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên và các mặt hàng chưa qua chế biến, thông qua việc thực hiện đồng bộ các biện pháp nâng cao chất lượng tăng giá trị hàng hoá là biện pháp vừa mang tính cơ bản, vừa mang tính lâu dài.

Thứ tư, tăng cường phát triển công nghiệp hỗ trợ, đẩy mạnh nội địa hoá các sản phẩm đáp ứng yêu cầu về phụ tùng, thiết bị tại chỗ cho doanh nghiệp. Bài học kinh nghiệm của các nước công nghiệp phát triển cho thấy công nghiệp hỗ trợ giữ vai trò quan trọng trong phát triển công nghiệp. Phát triển công nghiệp hỗ trợ thuộc các ngành trọng điểm của nền kinh tế không chỉ giúp các doanh nghiệp chủ động trong sản xuất, giảm giá thành sản phẩm; mà còn giúp các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này đẩy mạnh hợp tác, góp phần thực hiện mục tiêu tăng tỷ

lệ nội địa hoá các sản phẩm. Vì vậy, cần xem xét giải quyết những khó khăn vướng mắc trong xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ ở nước ta hiện nay. Đồng thời, để nâng cao khả năng cung ứng nguyên, phụ liệu một cách kịp thời và hiệu quả hơn, cần xây dựng ngay một số cơ sở đầu mối (có thể đặt tập trung tại các khu công nghiệp...) đóng vai trò trung tâm tổ chức nhập khẩu và cung ứng nguyên, phụ liệu trong một số lĩnh vực như sản xuất hàng dệt may, giấy dếp, sản phẩm gỗ, sản phẩm nhựa cho các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu trong nước. Từng bước xây dựng và tiến tới chuyên nghiệp hoá các dịch vụ hỗ trợ cho ngành công nghiệp như thiết kế tạo mẫu, hoạt động quản trị sản xuất, marketing... để cung ứng đầu vào và phát triển đầu ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội IX của Đảng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
- [2] Quyết định số 73/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “*Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam theo các vùng lãnh thổ đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020*”.
- [3] *Một số vấn đề kinh tế - xã hội sau 20 năm Đổi mới ở Việt Nam*/ Dự án hỗ trợ tổng kết 20 năm Đổi mới ở Việt Nam, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2007.
- [4] Tạp chí *Công nghiệp*, số tháng 1+2 năm 2008.
- [5] Tạp chí *Cộng sản*, số tháng 1 và 2 năm 2008.
- [6] *Niên giám thống kê*, 2006, NXB Thống kê, Hà Nội, 2007.
- [7]. [http:// www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn)